TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST Ngày 12-7-2024 V/v ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phú.

2. Bà Lê Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thảo Vy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm: 1968; nơi cư trú: Khu phố T, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Khu phố T, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2024, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân H chung sống năm 1989, đến ngày 11/7/2022 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông H thường xuyên uống rượu, đánh vợ, con; mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ tháng 01/2024, ông H thường xuyên uống rượu, chửi vợ, con, thường xuyên chửi vào ban đêm. Các con cũng khuyên, hòa giải nhưng không được. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 21/10/1991, Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/5/1993 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 27/02/2003. Con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: vợ chồng bà không có nợ chung.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N chung sống năm 1989, đến ngày 11/7/2022 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông không đánh vợ mà khi mâu thuẫn chỉ có chửi thề. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là mâu thuẫn nhỏ, thỉnh thoảng mới có, ông không đồng ý ly hôn với bà N, xin Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 21/10/1991, Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/5/1993 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 27/02/2003. Con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: vợ chồng ông không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các

đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N và ông H được ly hôn.

+ Về con chung: Con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 21/10/1991, Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/5/1993 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 27/02/2003 đã trưởng thành, bà N và ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản: Ghi nhận bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

+ Nợ chung: Ghi nhận bà N và ông H trình bày không có.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông H là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H; ông H cư trú tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Bà N và ông H chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2022 tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H hợp pháp.

[3.2] Qua lời trình bày của bà N và ông H và lời người làm chứng của anh Nguyễn Duy P (bút lục 32) thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra

mâu thuẫn**,** chủ yếu là do có sự bất hòa trong đời sống vợ chồng, không có sự đồng nhất về cách nghĩ cũng như về lối sống, sinh hoạt, từ đó thiếu sự tin tưởng và không thông cảm, chia sẻ với nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng và không giải quyết được.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, bà N vẫn cương quyết ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng được bà N chấp nhận. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N và ông H ly hôn.

[4] Về con chung: Bà N và ông H có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 21/10/1991, Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/5/1993 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 27/02/2003. Con chung đã trưởng thành, bà N và ông H không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về tài sản: Bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà N là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị N đối với ông Nguyễn Xuân H.

Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung:

Con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 21/10/1991, Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/5/1993 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 27/02/2003 đã trưởng thành, bà Trần Thị N và ông Nguyễn Xuân H không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản:

Ghi nhận bà Trần Thị N và ông Nguyễn Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002504 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND thành phố Tây Ninh;*
- *Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;*
- *Đương sự;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh Hằng